

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ VIỆC GÓP VỐN THÀNH LẬP CÔNG TY BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Vũ Thị Thanh Huyền*, Trần Văn Phúc, Lê Thị Hải Yến, Võ Tú Oanh, Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Thị Hoàng Phương, Hồ Thị Miên, Lê Thị Tiên

Trường Đại học Lạc Hồng, Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, phường Trán Biên, Đồng Nai, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: huyenvtt@lhu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 28/02/2025
Ngày hoàn thiện: 18/04/2025
Ngày chấp nhận: 23/04/2025
Ngày đăng: 15/09/2025

TỪ KHÓA

Góp vốn;
Tài sản trí tuệ;
Quyền sở hữu công nghiệp;
Thành lập công ty;
Doanh nghiệp.

TÓM TẮT

Vốn điều lệ là điều kiện tiên quyết đối với việc hình thành và hoạt động của công ty. Vốn điều lệ được xác định có thể là tài sản hữu hình và tài sản vô hình. Theo sự phát triển của xã hội, tài sản vô hình nói chung và tài sản trí tuệ nói riêng ngày càng có tầm ảnh hưởng đến hoạt động, sự phát triển cũng như lợi thế của công ty trên thương trường. Thực tế, việc góp vốn bằng tài sản trí tuệ và chủ yếu là các quyền sở hữu công nghiệp để thành lập doanh nghiệp có xu hướng tăng mạnh, tuy nhiên những vấn đề pháp lý về vấn đề này còn nhiều bất cập. Bài viết với mục tiêu kiến nghị hoàn thiện pháp luật dựa trên cơ sở tổng hợp, phân tích, đánh giá những quy định pháp luật hiện hành về việc góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu công nghiệp cũng như giúp các chủ thể trong quan hệ này xác định địa vị pháp lý, phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra và bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

THE CURRENT LEGAL STATUS IN VIETNAM REGARDING CAPITAL CONTRIBUTION FOR COMPANY ESTABLISHMENT USING INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

Vu Thi Thanh Huyen*, Tran Van Phuc, Le Thi Hai Yen, Vo Tu Oanh, Nguyen Thi Ngoc, Nguyen Thi Hoang Phuong, Ho Thi Mien, Le Thi Tien

Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe, Tran Bien, Dong Nai Province, Vietnam

*Corresponding Author: huyenvtt@lhu.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: Feb 28th, 2025
Revised: Apr 18th, 2025
Accepted: Apr 23rd, 2025
Published: Sep 15th, 2025

KEYWORDS

Capital contribution;
Intellectual property;
Industrial property rights;
Company formation;
Enterprise.

ABSTRACT

The charter capital is a prerequisite for the formation and operation of a company. Charter capital can be determined as tangible and intangible assets. With the development of society, intangible assets in general, and intellectual property in particular, increasingly influence a company's operations, growth, and competitive advantages in the marketplace. In fact, the contribution of capital through intellectual property, primarily industrial property rights, for business establishment is on the rise; however, there are still many legal issues surrounding this matter. The article aims to propose improvements to the legislation based on the synthesis, analysis, and evaluation of the current legal regulations regarding capital contribution in establishing companies through industrial property rights, as well as assisting the parties in this relationship to determine their legal status, prevent potential risks, and protect their legitimate rights and interests.

Doi: <https://doi.org/10.61591/jslhu.24.648>

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

1. KHÁI QUÁT VỀ GÓP VỐN THÀNH LẬP CÔNG TY BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Lĩnh vực kinh tế đóng vai trò then chốt và chủ trọng nhất trong các hoạt động, định hướng, chiến lược của quốc gia. Nhà nước khuyến khích các chủ thể kinh doanh (KD) bằng việc ban hành các quy định pháp luật phù hợp, khuyến khích đầu tư, góp vốn thành lập các thực thể KD hợp pháp đảm bảo nguyên tắc cốt lõi về quyền tự do KD, tự do thỏa thuận. Theo đó, quyền tự do KD là quyền của các tổ chức, cá nhân trong tự chủ KD, lựa chọn hình thức tổ chức KD, ngành nghề KD hay việc lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn [3]. Việc các chủ thể góp vốn thành lập công ty hợp pháp là minh chứng cho việc thực hiện quyền tự do KD. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay khi việc cạnh tranh ngày càng khốc liệt, việc các chủ thể có nguồn vốn ít sẽ khó thể trụ vững và cạnh tranh được với các công ty có quy mô lớn về vốn thì việc các cá nhân, tổ chức này cùng nhau góp vốn thành lập công ty là một giải pháp tối ưu để nâng cao vị thế trong hoạt động KD.

1.1 Góp vốn và góp vốn thành lập công ty

Góp vốn là hoạt động góp tài sản (TS) để tạo thành vốn điều lệ (VĐL) của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty và góp thêm vào VĐL của công ty đang tồn tại. Trong khái niệm này, thuật ngữ VĐL là kết quả thể hiện của hoạt động góp vốn. Theo đó, VĐL là tổng giá trị TS do các thành viên công ty, chủ sở hữu (CSH) công ty đã góp, hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần (CTCP) [3]. Từ khái niệm về góp vốn và VĐL kể trên, việc góp vốn thành lập công ty là việc chuyển giao TS thuộc QSH của các cá nhân, tổ chức là thành viên công ty, cổ đông công ty thỏa thuận góp sang làm TS thuộc QSH công ty khi công ty thành lập và để đáp ứng một trong các điều kiện khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp. Việc quy định về VĐL trong điều kiện thành lập công ty nhằm làm cơ sở đảm bảo thiện chí trong việc thành lập một thực thể thật sự hướng tới mục đích KD thay vì chỉ là một công ty ảo nhằm thực hiện các hoạt động không rõ ràng. Đồng thời, với việc góp vốn này sẽ là cơ sở đảm bảo cho việc hoạt động của công ty khi mới thành lập chưa có doanh thu từ KD cũng như việc đảm bảo các giao dịch đối với đối tác và các chủ nợ của công ty. Do đó, việc góp vốn vừa là nghĩa vụ của thành viên, cổ đông sáng lập (CĐSL) vừa là điều kiện để công ty đảm bảo quyền lợi cho các chủ thể góp vốn dựa trên kết quả KD của công ty.

1.2 Quyền sở hữu công nghiệp

Theo khoản 1 Điều 34 Luật Doanh nghiệp 2020 (sửa đổi, bổ sung 2022) (LDN) quy định “*TS góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, TS khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam*” [3]. Theo đó, TS góp vốn thành lập công ty có thể là TS hữu hình hoặc vô hình. Bộ luật Dân sự 2015 không đưa ra khái niệm về TS mà chỉ liệt kê các loại TS, bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền TS [1]. Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) nói chung và Quyền SHCN nói riêng thuộc quyền TS – TS vô hình trị giá được bằng tiền [1]. Loại TS này

mang đầy đủ bản chất của TS vô hình như tính xác định được, tính trị giá được, tính kiểm soát được và tính sinh lời. Bên cạnh đó, quyền SHCN hình thành trong quá trình sáng tạo, lao động trí óc để tạo ra và hướng tới việc phát triển, tác động của loại TS này đối với cuộc sống nên nó còn mang các đặc trưng như tính công; tính giới hạn về không gian, thời gian; tính sáng tạo, đổi mới và tính tương đối.

Bản chất quyền SHCN là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế (SC), kiểu dáng công nghiệp (KDCN), thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (TKBT), nhãn hiệu (NH), tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật KD do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh [2]. Nội dung của quyền SHCN là quyền TS, tuy nhiên một số đối tượng như SC, KDCN, thiết kế bố trí còn có quyền nhân thân gắn với tác giả và quyền này không thể chuyển giao và chỉ thuộc về tác giả. Nên khi xem xét đến quyền SHCN là TS góp vốn thành lập công ty sẽ chỉ xem xét đến quyền TS tương ứng với từng đối tượng của quyền SHCN mà thôi. Bên cạnh đó, khác với các TS hữu hình, quyền SHCN được bảo hộ giới hạn bởi phạm vi không gian nhất định trên cơ sở văn bằng bảo hộ hoặc theo luật định và việc bảo hộ này cũng giới hạn trong khoảng thời gian cụ thể tương ứng vào từng đối tượng của quyền.

Như vậy, quyền SHCN là TS góp vốn thành lập công ty phải đảm bảo được các đặc điểm chung của TS vô hình cũng như các đặc trưng riêng của TS trí tuệ. Bên cạnh đó, loại TS này còn phải đảm bảo được tính hợp pháp của mình trong việc bảo hộ sự độc quyền của nhà nước cũng như sự hợp pháp trong việc sở hữu, khai thác, sử dụng đối với loại TS này mà không có phát sinh bất kỳ tranh chấp, nghĩa vụ đảm bảo nào của CSH với bên thứ ba. Nếu quyền SHCN đang có tranh chấp hoặc đang thực hiện việc cầm cố, thế chấp... sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác, sử dụng TS góp vốn và điều này dường như đi ngược lại với mục đích, thỏa thuận trong việc xác lập quan hệ góp vốn thành lập công ty [8].

1.3 Góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu công nghiệp

Việc góp vốn thành lập công ty dù bằng bất kỳ loại TS nào cũng đều là cơ sở thể hiện quan hệ pháp luật giữa chủ thể góp vốn và công ty tiếp nhận phần vốn góp. Theo đó, bên góp vốn sẽ phải góp TS như đã cam kết đồng thời sẽ được hưởng những quyền nhất định như đã thỏa thuận với công ty. Ngược lại công ty tiếp nhận phần vốn góp sẽ có cơ sở về vốn đảm bảo điều kiện thành lập, hoạt động và các khoản nợ của công ty, đồng thời công ty cũng có quyền khai thác TS góp vốn này để mang lại lợi thế cạnh tranh, giảm thiểu chi phí tạo ra, phát triển các TS trí tuệ [6] và ở mặt này thì không thể phủ nhận vai trò của nguồn vốn là các quyền SHCN.

Như vậy, từ góp vốn thành lập công ty và về TS góp vốn là quyền SHCN đề cập ở trên thì góp vốn thành lập công ty bằng quyền SHCN là việc CSH quyền SHCN đối với các đối tượng được chuyển giao sẽ chuyển giao quyền TS gắn với các đối tượng này cho công ty thành lập trong giới hạn về phạm vi thời gian và không gian bảo hộ của quyền SHCN để trở thành thành viên, CĐSL của công ty.

2. QUY ĐỊNH VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ VIỆC GÓP VỐN THÀNH LẬP CÔNG TY BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

2.1 Hình thức góp vốn

Theo quy định tại Điều 35 LDN, việc góp vốn này chỉ được thực hiện thông qua hình thức chuyển nhượng QSH TS góp vốn từ các thành viên góp vốn sang cho công ty được thành lập theo quy định tương ứng với từng loại TS. Đối với quyền SHCN việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua hợp đồng (HĐ) bằng văn bản và để HĐ này có hiệu lực đối với các bên – bên góp vốn và công ty thành lập không chỉ là sự xác lập HĐ giữa các bên mà đối với một số đối tượng của quyền SHCN như SC, KDCN, NH cần phải thực hiện thủ tục đăng ký tại Cục SHTT.

Trong báo cáo thường niên, Cục SHTT có thống kê về việc đăng ký kê trên theo các tiêu chí về chủ thể, đối tượng. Tuy không phải đối tượng của HĐ chuyển nhượng quyền SHCN nào đăng ký tại Cục SHTT cũng là TS góp vốn thành lập công ty nhưng có thể khái quát được hoạt động chuyển nhượng này tăng theo từng năm và giá trị do loại TS này mang lại cho CSH cũng như trong hoạt động KD, thương mại cũng được đề cao và chú trọng hơn. Cụ thể:

Bảng 1. Thống kê tình hình giải quyết đơn đăng ký HĐ chuyển nhượng QSH đối tượng SHCN

Năm	Số lượng đơn đăng ký HĐ chuyển nhượng QSH đối tượng SHCN				Số lượng HĐ chuyển nhượng QSH đối tượng SHCN đã được đăng ký			
	SC/ GPHI	KD CN	NH	Tổng số	SC/ GPHI	KD CN	NH	Tổng số
2020	60	19	1161	1240	48	32	963	1043
2021	109	48	1227	1384	71	30	1208	1309
2022	106	42	1434	1582	135	42	1281	1458
2023	127	54	1046	1641	96	21	1120	1237

(Nguồn: Báo cáo thường niên của Cục SHTT năm 2023)

Về vấn đề này, Việt Nam và hầu hết các quốc gia đều thừa nhận hình thức góp vốn này nhằm đảm bảo được sự ổn định của nguồn vốn cũng như sự chủ động trong việc quản lý của công ty mới thành lập về cơ sở quan trọng cho việc hoạt động, phát triển của công ty cũng như các cam kết đối với khoản nợ của công ty thay vì thừa nhận hình thức chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN mà ở đó công ty chỉ là chủ thể có quyền sử dụng các đối tượng này mà không có QSH.

Thực tế, việc thừa nhận chỉ có một hình thức góp vốn kể trên không thật sự thiết thực đối với quyền SHCN. TS này được bảo hộ độc quyền và mang lại giá trị rất lớn cho CSH. Do đó, bản thân CSH không thực sự muốn chuyển nhượng QSH của mình cho công ty mà chỉ muốn chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền SHCN. Về phía công ty mới thành lập cũng hầu như chỉ muốn nhận quyền khai thác, sử dụng các đối tượng này thông qua sự thỏa thuận với CSH đảm bảo đạt được mục đích của các bên thay vì phải gánh chịu rủi ro về mặt giá trị của quyền SHCN bị sụt giảm hay từ việc đã có một đối tượng mới tương tự, sáng tạo và ưu việt hơn thay thế hoặc bởi giới hạn về thời gian, phạm vi bảo hộ đối với quyền này. Điển hình như việc Tập đoàn tàu thủy Vinashin đã sử dụng NH

“VINASHIN” để góp vốn vào không chỉ là 01 doanh nghiệp mà đến 105 doanh nghiệp chỉ trong khoảng từ 2009 – 2011 [6] hay như công ty TNHH Cà phê Trung Nguyên đã góp vốn thành lập CTCP Trung Nguyên bằng quyền sử dụng NH “TRUNG NGUYÊN” với giá trị NH là 45 tỷ đồng...

2.2 Chủ thể góp vốn

❖ Bên góp vốn

Không phải chủ thể nào cũng có quyền góp vốn thành lập công ty mặc dù pháp luật Việt Nam ghi nhận quyền tự do KD trong Hiến pháp – Văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao nhất trong hệ thống pháp luật hiện hành. Cụ thể, LDN không liệt kê các chủ thể có quyền thành lập và quản lý công ty mà theo hướng loại trừ các đối tượng không được phép thực hiện hoạt động này. Mặt khác, để trở thành thành viên, CĐSL của công ty họ phải hoàn thành nghĩa vụ góp vốn vào công ty bằng việc chuyển QSH hợp pháp đối với TS góp vốn sang cho công ty [3]. Như vậy, bên góp vốn phải là CSH hợp pháp của TS góp vốn. Tuy nhiên, nếu đối chiếu đến khoản 2 Điều 34 LDN dường như chủ thể góp vốn không chỉ là cá nhân, tổ chức sở hữu hợp pháp TS góp vốn mà còn có các chủ thể có quyền sử dụng hợp pháp đối với TS góp vốn này. Đối với quyền SHCN, CSH hợp pháp tương ứng đối với từng đối tượng quyền SHCN được xác định theo Điều 121 Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022) (LSHTT). Bên cạnh đó còn có những chủ thể được chuyển quyền sử dụng các đối tượng này theo HĐ và bên được chuyển quyền sử dụng có quyền sử dụng hợp pháp đối với đối tượng của quyền SHCN trong thời hạn và điều kiện thỏa thuận với CSH, vậy trong trường hợp này họ có được xác định là bên góp vốn theo tiêu chí khoản 2 Điều 34 LDN hay không?

Ngoài ra, đối với một số đối tượng như SC, KDCN, TKBT tồn tại 2 chủ thể là tác giả, CSH quyền SHCN. Trong trường hợp, tác giả tạo ra các đối tượng trên bằng công sức và chi phí của mình sẽ có quyền đăng ký bảo hộ đối với các đối tượng đó [2] và là CSH, còn nếu tác giả chỉ là người sáng tạo ra các đối tượng này còn chủ thể khác là người đầu tư kinh phí, nguồn lực để tác giả sáng tạo thì họ có quyền đăng ký [2] và là CSH quyền SHCN trong trường hợp này. Ngoài ra, giữa tác giả và chủ thể đầu tư kinh phí có thể có những thỏa thuận cho việc sở hữu theo HĐ nên khi xác định QSH đối với các đối tượng này cần phải xem xét rõ ràng và có sự cam kết giữa các chủ thể có liên quan để tránh rủi ro không đáng có.

❖ Bên nhận góp vốn

LDN quy định tổ chức, cá nhân có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào CTCP, công ty TNHH, công ty hợp danh theo quy định [3]. Theo đó, thực thể được thành lập và là một bên trong quan hệ góp vốn này chính là một trong 3 loại hình công ty kể trên. Trong đó, bản chất các công ty này là doanh nghiệp - tổ chức có tên riêng, có TS, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích KD [3]. Cùng với đó, các loại hình công ty này có đầy đủ tư cách pháp nhân để đảm bảo điều kiện vận hành độc lập tự chủ và nhân danh chính các thực nhân để thực hiện các giao dịch trong KD. Đồng thời, tương ứng với từng loại hình công ty được thành lập thông qua việc góp vốn của các chủ thể có quy định khác nhau về bản chất. Cụ thể:

- Về số lượng thành viên

Đối với công ty TNHH một thành viên sẽ có 01 thành viên là CSH của công ty, phụ thuộc vào việc CSH này là cá nhân hay tổ chức mà pháp luật có quy định cơ cấu tổ chức vận hành khác nhau và CSH có thể lựa chọn mô hình phù hợp. Trong khi đó, công ty TNHH 2 thành viên trở lên lại có từ 02 đến 50 thành viên, thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ TS khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp [3]. Riêng đối với CTCP, pháp luật chỉ giới hạn số lượng thành viên tối thiểu là 03 và không giới hạn mức tối đa [3]. Khác với các loại hình công ty trên, công ty hợp danh phải có ít nhất 02 thành viên hợp danh là cá nhân sẽ trở thành CSH chung của công ty, cùng nhau KD dưới một tên chung và ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn có thể là cá nhân hoặc tổ chức [3].

- Về khả năng phát hành chứng khoán

Pháp luật hiện hành không cho phép công ty hợp danh được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào nhưng ngược lại, CTCP lại được tự do phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo quy định để huy động vốn [3]. Trong khi đó, đối với loại hình công ty TNHH sẽ không được phát hành cổ phần trừ khi công ty chuyển đổi thành CTCP [3] và có thể được phát hành trái phiếu nhưng trong giới hạn luật định.

2.3 Tài sản góp vốn và định giá tài sản góp vốn

❖ Tài sản góp vốn

Như đã trình bày ở trên, việc góp vốn là việc cá nhân, tổ chức sẽ chuyển giao QSH TS mà mình sở hữu hợp pháp cho công ty để tạo thành VDL của công ty, vậy những đối tượng nào của quyền SHCN không có khả năng chuyển nhượng độc lập sẽ không phải là đối tượng của hoạt động góp vốn này. Theo đó, đối với NH tập thể các cá nhân, tổ chức là thành viên không được chuyển nhượng NH này đồng thời CSH NH tập thể cũng không được chuyển nhượng NH cho chủ thể không phải là thành viên của tổ chức hay đối với NH chứng nhận thì CSH loại NH này sẽ không được sử dụng NH trên hàng hóa, dịch vụ do chính họ sản xuất, KD mà chỉ có thể cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, ...cũng như bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng các điều kiện đối với tổ chức có quyền đăng ký đối với loại NH này – tổ chức có chức năng chứng nhận, kiểm soát [2]; hay đối với chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia cụ thể [2], CSH quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý không được chuyển giao quyền này cho tổ chức, cá nhân khác [2]. Ngoài ra, trong nội dung quyền SHCN của một số đối tượng như SC, KDCN, thiết kế bố trí ngoài quyền tài sản còn có quyền nhân thân và bản chất quyền này chỉ thuộc về tác giả và không thể chuyển giao cho chủ thể khác, do đó đây cũng không phải là đối tượng để góp vốn thành lập công ty.

Bên cạnh đó, LSHTT quy định về các dạng HĐ sử dụng đối tượng quyền SHCN bao gồm HĐ độc quyền, HĐ không độc quyền và HĐ sử dụng đối tượng SHCN thứ cấp. Theo đó, tương ứng với mỗi HĐ sẽ xác định giới hạn quyền sử dụng của CSH quyền SHCN. Trong đó, đối với HĐ không độc quyền thì trong phạm vi và thời hạn chuyển giao quyền sử dụng, bên chuyển quyền vẫn có quyền sử dụng đối tượng SHCN, quyền ký kết HĐ sử dụng đối tượng SHCN không độc quyền với người khác [2], nhưng đối với HĐ độc quyền thì khác, bên được

chuyển quyền được độc quyền sử dụng đối tượng SHCN, bên chuyển quyền không được ký kết HĐ sử dụng đối tượng này với bất kỳ bên thứ ba nào và chỉ được sử dụng đối tượng SHCN đó nếu được phép của bên được chuyển quyền [2]. Vậy trong trường hợp HĐ độc quyền được xác lập, CSH có được sử dụng đối tượng của HĐ để góp vốn không và nếu chấp nhận, công ty nhận góp vốn sẽ không được khai thác, sử dụng TS này và như thế mục đích của việc góp vốn đã không được đảm bảo. Đồng thời, khi quyền SHCN đang chuyển giao dưới dạng không độc quyền mà dùng góp vốn sẽ làm thay đổi về CSH, CSH hợp pháp là công ty và HĐ đã được giao kết giữa chủ thể góp vốn với bên nhận chuyển giao quyền có còn hiệu lực và phí chuyển giao quyền sẽ được xác định thế nào trong trường hợp bên nhận chuyển giao quyền đã thanh toán cho cá nhân, tổ chức góp vốn.

❖ Định giá tài sản góp vốn

Định giá TS góp vốn là hoạt động hết sức cần thiết, bởi lẽ việc định giá đúng giá trị của TS sẽ đảm bảo quyền, lợi ích của thành viên góp vốn cũng như xác định chính xác TS thực của công ty trong việc xác định VDL cũng như cơ sở đảm bảo nghĩa vụ với đối tác. Với các loại TS liệt kê tại khoản 1 Điều 34 LDN thì chỉ loại trừ Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thường không phải định giá, còn hầu hết các loại TS còn lại đều được tiến hành định giá. Tuy nhiên, mỗi loại TS có bản chất khác nhau nên cách thức, phương pháp và chủ thể định giá cũng sẽ có những quy định khác nhau với từng loại TS và đối với quyền SHCN cũng vậy, cụ thể:

- Về chủ thể định giá

Theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 36 LDN việc định giá TS được tiến hành thông qua các chủ thể như thành viên, cổ đông sáng lập (CĐSL) hoặc tổ chức thẩm định giá (TCTĐG) [3]. Theo đó, giá trị của TS góp vốn được xác định dựa trên nguyên tắc đồng thuận của các thành viên, CĐSL và trong trường hợp thông qua TCTĐG ngoài việc dựa trên cơ sở thẩm định của tổ chức này còn phải được sự chấp thuận của trên 50% số thành viên, CĐSL của công ty thành lập. Tuy nhiên, thực tế không phải thành viên, CĐSL nào cũng có chuyên môn trong việc định giá TS đặc biệt là đối với TS vô hình – quyền SHCN, do đó việc định giá quá cao hoặc quá thấp so với giá trị thực của TS góp vốn là việc có thể xảy ra. Đồng thời, với quy định trên khi có sự tham gia định giá của TCTĐG lại không được xác định một cách độc lập bởi tổ chức này mà vẫn phải có sự chấp thuận của trên 50% thành viên, CĐSL. Vậy trong trường hợp thành viên, CĐSL không đồng ý thì việc định giá này sẽ phải tiến hành lại bởi TCTĐG khác hoặc chỉ dựa trên sự quyết định của các thành viên, CĐSL. Dẫn chứng đối với vấn đề trên có thể kể đến vụ việc định giá NH “VINASHIN” khi Tập đoàn tàu thủy Vinashin góp vốn vào thành lập các công ty khác nhau thì giá trị TS được định giá là khác nhau, cụ thể như tại CTCP Công nghiệp nặng Cửu Long, NH này được định giá là 300 tỷ đồng; tại quỹ Đầu tư Việt Nam liên doanh với BIDV là 144 tỉ đồng; tại CTCP Đầu tư Lạc Hồng Vinashin và CTCP Công nghiệp tàu thủy Shinec là 15 tỉ đồng...[10]

Bên cạnh đó, khi quy định về trách nhiệm của các chủ thể định giá TS trong việc định giá không đúng với giá trị TS góp vốn thì dường như pháp luật đã bỏ qua trách nhiệm của TCTĐG khi trách nhiệm này chỉ xác định cho thành viên, CĐSL. Cụ thể, trường hợp TS góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế của TS đó tại thời

điểm góp vốn thì các thành viên, CĐSL cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của TS góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá TS góp vốn cao hơn giá trị thực tế [3]. Trong khi đó, đối với TS góp vốn là quyền SHCN, việc định giá thường có sự xuất hiện của TCTĐG có uy tín và với quy định trên để xác định tỷ lệ đóng góp của các thành viên, CĐSL trong phần định giá chênh lệch giữa các chủ thể so với giá trị thực tế của TS góp vốn lại không được đề cập đến. Việc định giá TS góp vốn cao sẽ làm “thổi phồng” VDL hơn so giá trị thực của nó, làm cho gánh nặng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty cho thành viên, cổ đông sẽ tăng hơn trong khi thực tế phần họ được hưởng lại thấp hơn, ngược lại nếu việc định giá thấp hơn giá trị thực của TS góp vốn sẽ làm giảm giá trị của chính TS này cũng như những quyền lợi mà đáng ra chủ thể góp vốn phải được nhận.

- Phương pháp định giá

Thông tư 37/2024/TT-BTC quy định có 3 cách thức tiếp cận để thẩm định giá TS vô hình, cụ thể là tiếp cận từ thu nhập, tiếp cận từ chi phí và tiếp cận từ thị trường [4]. Trong mỗi cách tiếp cận, thông tư có xác định các cơ sở cũng như phương pháp thẩm định tương ứng. Hiện nay, Cộng đồng tài chính Việt Nam và trên thế giới đều sử dụng 3 phương pháp này để định giá TS trí tuệ [7]. Thông tư này đã khắc phục được những hạn chế của thông tư 06/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2014 khi không còn ấn định các chủ thể định giá chỉ có thể áp dụng một trong các phương pháp định giá được quy định trong thông tư nữa mà theo hướng để các chủ thể tham khảo và chỉ điều chỉnh các vấn đề định giá khi các chủ thể này chọn một trong các phương pháp quy định trong thông tư. Bởi lẽ, ngoài 03 cách tiếp cận định giá này trên thế giới còn có nhiều phương pháp khác như phương pháp quy tắc ngón tay trái, phương pháp từ trên xuống [6] hay xác định thông qua xem xét, đánh giá về những tiềm năng ứng dụng trong tương lai [11]...

2.4 Thực hiện góp vốn

❖ Cơ sở đảm bảo việc thực hiện góp vốn

Các thành viên, CĐSL thực hiện việc chuyển QSH TS góp vốn cho công ty chính là hành vi thiết thực đảm bảo việc thực hiện góp vốn thành lập công ty. Dựa trên cơ sở đăng ký QSH của TS góp vốn mà LDN quy định thủ tục chuyển QSH khác nhau. Cụ thể:

“Đối với TS có đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu TS đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty theo quy định của pháp luật. Việc chuyển quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng đất đối với TS góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ;

Đối với TS không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận TS góp vốn có xác nhận bằng biên bản, trừ trường hợp được thực hiện thông qua tài khoản”[3]

Với quy định trên sẽ thật khó xác định quyền SHCN nói riêng và quyền SHTT nói chung sẽ được xếp vào nhóm TS nào trong 2 nhóm TS kể trên để thực hiện thủ tục góp vốn cho phù hợp. Bởi lẽ, như đã trình bày tại mục TS góp vốn, có những đối tượng của quyền SHCN như SC, KDCN, NH thông thường cần phải thực hiện thủ tục đăng ký bảo hộ để xác lập quyền SHCN, trong khi đó với các đối tượng khác như bí mật KD, NH nổi tiếng lại

không bắt buộc. Đồng thời, việc thực hiện thủ tục đăng ký bảo hộ này có được xem như là thủ tục đăng ký QSH theo tinh thần LDN đã xác định hay không? Trong trường hợp nếu xem đăng ký bảo hộ là một hình thức đăng ký QSH thì những đối tượng có đăng ký bảo hộ sẽ thực hiện thủ tục như đối với TS có đăng ký QSH và đối với các đối tượng không đăng ký bảo hộ sẽ áp dụng thủ tục còn lại. Nhưng điều này lại không thống nhất với quy định của LSHTT khi việc chuyển nhượng quyền SHCN phải thực hiện thông qua HĐ bằng văn bản thay vì chỉ có xác nhận bằng biên bản như LDN đã quy định. Còn trong trường hợp xác định đây là 02 thủ tục khác nhau thì quyền SHCN không biết sẽ được xếp vào nhóm TS nào.

❖ Trách nhiệm của các thành viên, cổ đông sáng lập trong việc thực hiện góp vốn

Thành viên, CĐSL phải đảm bảo góp vốn đúng, đủ loại TS cam kết góp trong thời gian thỏa thuận hoặc theo luật định. Để đảm bảo trách nhiệm của các chủ thể góp vốn cũng như về việc ổn định nguồn VDL mà LDN chỉ quy định về việc thay đổi loại TS góp vốn đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên khi có sự chấp thuận của trên 50% số thành viên còn lại của công ty [3] còn đối với các loại hình công ty khác thì không đề cập đến. Vậy trong trường hợp các chủ thể trong các loại hình công ty còn lại muốn góp vốn bằng loại TS khác, không làm ảnh hưởng đến việc thành lập và định hướng sử dụng nguồn vốn góp của công ty hoặc đặc biệt là đối với TS là quyền SHCN nếu bị hủy bỏ hiệu lực của văn bằng bảo hộ hoặc văn bằng bảo hộ chấm dứt hiệu lực thì chủ thể quyền SHCN này có thể thay thế góp vốn bằng TS khác hay không và xem xét trách nhiệm của thành viên góp vốn trong trường hợp này xác định như thế nào cũng là vấn đề chưa được quy định cụ thể trong LDN hiện hành. Thực tế tình trạng này vẫn xảy ra, chỉ riêng năm 2023, Cục SHTT nhận được 330 đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực và đơn hủy bỏ hiệu lực của văn bằng bảo hộ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ [5].

Ngoài ra, khi các thành viên, CĐSL không góp đủ phần vốn cam kết sẽ chỉ được hưởng quyền tương ứng với phần vốn đã góp [3]. Đồng thời, phải chịu các trách nhiệm đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi VDL [3].

3. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN THÀNH LẬP CÔNG TY BẰNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Với những phân tích ở trên, tác giả có một số kiến nghị để hoàn thiện các quy định pháp luật về góp vốn thành lập công ty bằng quyền SHCN như sau:

Thứ nhất, đối với TS góp vốn là quyền SHCN nói riêng và quyền SHTT nói chung, LDN ngoài việc chỉ ghi nhận 1 hình thức góp vốn là chuyển nhượng QSH thì nên bổ sung thêm hình thức chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng của quyền nhằm giúp cho CSH quyền có thể khai thác tốt nhất đối với quyền của mình cũng như đạt được mong đợi của công ty thành lập khi chỉ muốn sử dụng giá trị do TS này mang lại. Bên cạnh đó, khi thừa nhận chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng của quyền SHCN cũng cần quy định rõ ràng những hạn chế, hậu quả pháp lý trong trường hợp thực hiện HĐ chuyển giao quyền sử dụng dưới dạng HĐ cụ thể.

Thứ hai, cần thống nhất quy định tại khoản 3 Điều 35 và khoản 2 Điều 34 LDN để làm cơ sở xác định về chủ thể có quyền góp vốn thành lập công ty. Cũng dựa trên cơ sở kiến nghị về hình thức góp vốn khi thừa nhận hình thức chuyển quyền sử dụng là hình thức góp vốn hợp pháp cũng nên xem chủ thể được chuyển giao quyền sử dụng hợp pháp trong trường hợp này là chủ thể có quyền góp vốn theo tinh thần luật định tại khoản 2 Điều 34 LDN.

Thứ ba, cần xác định rõ đối tượng và phạm vi quyền SHCN được quyền góp vốn vào công ty. Như đã phân tích ở mục 2.3, cơ sở để xác định đối tượng nào của quyền SHCN được góp vốn chỉ dựa trên cơ sở quy định về việc hạn chế chuyển nhượng của LSHTT mà đây là 2 hoạt động khác nhau và vì vậy, LSHTT cần bổ sung thêm quy định về việc xác định các đối tượng được góp vốn cũng như tham gia vào các hoạt động pháp lý khác phù hợp với bản chất của từng đối tượng này.

Thứ tư, về định giá TS góp vốn theo quy định của LDN dựa trên quyết định thống nhất của các thành viên, CĐSL. Tuy nhiên, khi định giá đối với loại tài sản vô hình là quyền SHCN phải chăng không chỉ xem kết quả định giá của các tổ chức có chức năng thẩm định chỉ mang ý nghĩa tham khảo mà có thể xem là cơ sở định giá chính thức thay vì phải có sự đồng ý của các thành viên, CĐSL công ty. Cũng từ đó để nâng cao vai trò của các tổ chức có chức năng thẩm định giá đồng thời cũng cần xác định trách nhiệm cụ thể của các tổ chức này trong việc định giá không đúng với giá trị TS. Ngoài ra, pháp luật hiện hành cũng cần bổ sung quy định trách nhiệm của các thành viên, CĐSL khi dựa trên quyết định của các chủ thể này mà định giá TS góp vốn quá cao hoặc quá thấp cũng như xác định tỷ lệ trách nhiệm của mỗi chủ thể cần đóng góp dựa trên giá trị chênh lệch khi định giá sai.

Thứ năm, bổ sung thêm quy định đối với thay đổi TS góp vốn không chỉ cho công ty TNHH 2 thành viên mà còn quy định cụ thể đối với các loại hình công ty khác. Đồng thời, xác định rõ thủ tục để thực hiện việc chuyển QSH đối với quyền SHCN phù hợp với từng đối tượng của quyền nhằm khắc phục những hạn chế tại khoản 1 Điều 35 LDN vì trong nhiều trường hợp không biết xếp loại TS này vào nhóm nào theo tiêu chí của quy định này. Bên cạnh đó, cần quy định rõ về trách nhiệm của thành viên, CĐSL khi quyền SHCN là đối tượng của quan hệ góp vốn thành lập công ty không còn do văn bằng bảo hộ bị chấm dứt hay bị hủy bỏ hiệu lực.

Ngoài việc pháp luật cần điều chỉnh các vấn đề cơ bản ở trên, các công ty cần phải tự trang bị, cập nhật các quy định về việc góp vốn thành lập công ty và xác định sự phù hợp, hợp pháp của TS góp vốn. Cụ thể như xác định tư cách góp vốn của các chủ thể thông qua văn bằng bảo hộ các đối tượng của quyền SHCN có đăng ký xác lập quyền

hay cần có cam kết, xác thực về việc họ là CSH hợp pháp của các đối tượng không cần đăng ký bảo hộ. Đồng thời, đối với đối tượng góp vốn, cần xem xét tính hợp pháp của văn bằng bảo hộ cũng như yêu cầu các chủ thể góp vốn cung cấp các thông tin về các giao dịch, phạm vi, thời hạn bảo hộ liên quan quyền SHCN cũng như lường trước được các vấn đề có thể phát sinh trong quan hệ này bằng việc thiết lập giao kết thỏa thuận giữa công ty và các chủ thể góp vốn.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự 2015*, ban hành ngày 24/11/2015. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx>
- [2] Quốc hội. (2005). *Luật Sở hữu trí tuệ 2005*, ban hành ngày 29/11/2005 (Sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022). Truy cập từ Văn bản hợp nhất 11/VBHN-VPQH 2022 Luật Sở hữu trí tuệ
- [3] Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp 2020, ban hành ngày 17/6/2020 (Sửa đổi, bổ sung năm 2022). Truy cập từ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 mới nhất (thuvienphapluat.vn)
- [4] Bộ Tài chính (2024), Thông tư số 37/2024/TT-BTC thông tư của Bộ Tài chính về việc ban hành chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về thẩm định giá TS vô hình, ban hành ngày 16/5/2024, Truy cập từ Thông tư 37/2024/TT-BTC Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam Thẩm định giá TS vô hình mới nhất
- [5] Cục Sở hữu trí tuệ. *Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ 2023*, Nxb. Thanh Niên, 2024
- [6] Nguyễn Thị Phương Thảo (2021). *Góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam hiện nay*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
- [7] Trần Văn Nam, Lê Trung Nghĩa. Xác định giá trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam – Thực tiễn áp dụng từ một vụ chuyển nhượng điển hình. *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, Số 46, T3/2021
- [8] Trần Cao Thành. Hoàn thiện pháp luật về góp vốn bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Số 6C, T6/2021
- [9] Lương Mỹ Linh (2023). Vương mắc về góp vốn bằng TS trí tuệ để thành lập doanh nghiệp và kiến nghị hoàn thiện *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, truy cập ngày 25/02/2025 từ Vương mắc về góp vốn bằng TS trí tuệ để thành lập doanh nghiệp và kiến nghị hoàn thiện
- [10] Nguyễn Ngọc Huy (2023). *Định giá tài sản góp vốn thành lập doanh nghiệp: Từ luật thực định đến thực tiễn áp dụng*. Truy cập ngày 17/04/2025 từ Định giá tài sản góp vốn thành lập doanh nghiệp: Từ luật thực định đến thực tiễn áp dụng
- [11] Hà Diệu (2024). *Bắt cập trong xác định trách nhiệm của cá nhân, tổ chức với doanh nghiệp khi góp vốn bằng sáng chế, nhãn hiệu*. Truy cập ngày 10/01/2025 từ Bắt cập trong việc xác định trách nhiệm của cá nhân, tổ chức với doanh nghiệp khi góp vốn bằng nhãn hiệu, sáng chế